

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

---***---



HÀ THỊ MAI
(Biên soạn)

GIÁO TRÌNH

GIÁO DỤC HỌC ĐẠI CƯƠNG



(Lưu hành nội bộ)

Đà Lạt, 12 - 2013

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Mở đầu	03
Chương 1. GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC	04
I. Giáo dục là một hiện tượng xã hội	04
II. Khái quát về lịch sử phát triển của giáo dục	04
III. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học.....	10
IV. Những khái niệm cơ bản của Giáo dục học.....	11
Chương 2. GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH	14
I. Sự phát triển nhân cách của con người	14
II. Các yếu tố tác động đến sự phát triển nhân cách	15
Chương 3. MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ GIÁO DỤC	20
I. Mục đích giáo dục	20
II. Nhiệm vụ giáo dục của nhà trường	22
Chương 4. KHÁI QUÁT VỀ CÁC CON ĐƯỜNG GIÁO DỤC	30
I. Khái niệm con đường giáo dục	30
II. Các con đường giáo dục	30
III. Các phương pháp giáo dục	33
Chương 5. LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC	37
I. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam	37
II. Quản lý giáo dục	40
Chương 6. NHÀ TRƯỜNG VÀ NGƯỜI GIÁO VIÊN	45
A. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ TRƯỜNG.....	45
I. Nhà trường	45
II. Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường	46
III. Tổ chức và hoạt động của nhà trường	46
B. NGƯỜI GIÁO VIÊN VÀ NGHỀ DẠY HỌC	48
I. Nghề và nghề dạy học	48
II. Vai trò, nhiệm vụ của nhà giáo Việt Nam	49
III. Đặc điểm lao động sư phạm của nhà giáo	50
IV. Những yêu cầu đối với nhà giáo Việt Nam hiện nay	52
V. Nghệ thuật sư phạm	54
C. NGƯỜI GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP	55
I. Chức năng, nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp	55
II. Nội dung và phương pháp công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp	58
Tài liệu tham khảo	62

MỞ ĐẦU

Ở mỗi thời đại, giáo dục luôn có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của xã hội. Trong giai đoạn hiện nay hơn bao giờ hết, giáo dục – đào tạo càng có ý nghĩa quyết định không chỉ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội mà cả đối với công cuộc bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước.

Giáo dục có mục đích rất cụ thể, khoa học và thiết thực. Mục đích của giáo dục phù hợp với sự phát triển của cá nhân, vì sự tiến bộ của xã hội. Các cơ cấu xã hội như các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, các cơ quan nhà nước ở các cấp; các đoàn thể quần chúng đều có chức năng giáo dục các thành viên của mình theo phương hướng con người phát triển toàn diện, bởi ở đâu có con người thì ở đó đều cần có sự quản lý, tổ chức, giáo dục con người.

Vấn đề đặt ra ở đây là việc giáo dục con người không thể hoàn toàn tiến hành theo kiểu kinh nghiệm chủ nghĩa, chủ quan, tùy tiện hoặc là những lời hô hào kêu gọi chung chung... mà nó vừa là khoa học vừa là nghệ thuật. Do đó, việc nghiên cứu Giáo dục học sẽ giúp cho các nhà quản lý, các cơ quan nhà nước các cấp và các ngành tiến hành tổ chức, quản lý, giáo dục con người phù hợp với những quan điểm khoa học, phù hợp với mục tiêu kinh tế, văn hoá, xã hội ở nước ta.

Đặc biệt nghiên cứu giáo dục, nắm bắt các quy luật của giáo dục là một yêu cầu có tính tất yếu đối với tất cả những người làm công tác giáo dục (Giáo dục trong nhà trường, giáo dục xã hội, giáo dục gia đình...).

Hoạt động giáo dục là một bộ phận của đời sống xã hội. Từ khi xã hội loài người xuất hiện, các thế hệ loài người đã gắn bó, kết hợp với nhau trong tất cả các lĩnh vực hoạt động sáng tạo : trong kinh tế, văn hoá, chính trị và giáo dục... Hoạt động giáo dục (dạy học và giáo dục) luôn luôn phát triển và không ngừng đổi mới, nâng cao dần cùng với sự phát triển và tiến bộ của xã hội loài người. Theo tổng kết của UNESCO, trong hơn 50 năm qua giáo dục “*đã có thể trở thành nhân tố then chốt của phát triển bằng cách thực hiện ba chức năng kinh tế, khoa học và văn hoá*” mà cụ thể là đào tạo đội ngũ lao động lành nghề, đội ngũ các nhà trí thức tham gia có hiệu quả vào cuộc “*cách mạng trí tuệ*” – động lực của các ngành kinh tế; đào tạo nên các thế hệ công dân “*bắt rễ trong chính nền văn hoá của họ và có ý thức hội nhập với các nền văn hoá khác vì sự tiến bộ của xã hội nói chung*”.

Mặt khác, giáo dục luôn không ngừng thích nghi với những thay đổi của xã hội; đồng thời thực hiện sứ mệnh chuyển giao những thành tựu văn hoá của xã hội loài người từ thế hệ này đến thế hệ khác, từ thế hệ trước đến thế hệ sau.

Từ nhận thức trên, học phần Giáo dục học đại cương nhằm :

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất của Giáo dục học – với tư cách là một khoa học.
- Phản ánh được những thành tựu khoa học giáo dục mới của thế giới cũng như Việt Nam, những xu hướng phát triển của giáo dục.
- Bồi dưỡng cho học viên ý thức, lòng yêu nghề dạy học trên cơ sở tri thức, kỹ năng dạy học và giáo dục.

THỜI GIAN VÀ KẾ HOẠCH HỌC TẬP

GIÁO DỤC HỌC ĐẠI CƯƠNG được xây dựng gồm 2 tín chỉ. Mỗi tín chỉ tương đương 15 tiết. Học phần bảo đảm sự cân đối giữa lý thuyết khoa học và thực hành nhằm nêu cao tính tự chủ trong học tập của học viên và tính linh hoạt trong giảng dạy của giảng viên.

- Sau mỗi chương lý thuyết được giảng viên hướng dẫn trên lớp sẽ có câu hỏi để học viên ôn tập, thảo luận, đề xuất ý kiến và làm bài tập thực hành ở nhà.

- Yêu cầu đặt ra với học viên : Ngoài việc nghe giảng, ghi chép nội dung cơ bản ở trên lớp, nhất thiết bắt buộc học viên phải đọc tài liệu tham khảo và thu lượm tư liệu qua thực tiễn giáo dục, qua hệ thống thông tin đại chúng để mở rộng, nâng cao kiến thức. Từ đó để tự trau dồi tri thức nghề nghiệp, lòng tin vào con người, vào sự nghiệp Giáo dục – Đào tạo của đất nước.

CHƯƠNG 1. GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC

I. GIÁO DỤC LÀ MỘT HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI.

1. Nguồn gốc phát sinh của hiện tượng giáo dục.

Ngay từ khi xuất hiện trên trái đất để tồn tại và phát triển con người phải lao động. Trong lao động và trong cuộc sống hàng ngày, con người một mặt vừa sản xuất ra của cải vật chất và tinh thần, mặt khác vừa nhận thức thế giới xung quanh. Trong quá trình nhận thức đó, con người dần dần tích lũy được nhiều kinh nghiệm bao gồm kinh nghiệm sống, kinh nghiệm lao động, kinh nghiệm chinh phục tự nhiên. Kinh nghiệm càng ngày càng dồi dào, từ đó con người **nảy sinh nhu cầu truyền đạt những hiểu biết, những kinh nghiệm ấy cho nhau. Đó chính là nguồn gốc phát sinh của hiện tượng giáo dục.**

Lúc đầu, giáo dục xuất hiện như một hiện tượng tự phát, diễn ra đơn giản theo lối quan sát – bắt chước. Về sau giáo dục trở thành một hoạt động có ý thức. Con người dần dần biết xác định mục đích, hoàn thiện về nội dung và tìm ra các phương thức để quản lý giáo dục có hiệu quả. Ngày nay, giáo dục đã trở thành một hoạt động được tổ chức đặc biệt, đạt tới trình độ cao, có chương trình kế hoạch, có nội dung phương pháp hiện đại, diễn ra theo một nhịp độ khẩn trương và đã trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của xã hội loài người.

2. Tính chất của giáo dục.

Giáo dục có 5 tính chất sau đây :

2.1. *Giáo dục là một hiện tượng đặc biệt chỉ có ở xã hội loài người.* Giáo dục xuất hiện, phát triển gắn bó cùng loài người. Ở đâu có con người, ở đó có giáo dục – giáo dục mang tính phổ biến. Khi nào còn loài người lúc đó còn giáo dục – giáo dục mang tính vĩnh hằng.

2.2. *Giáo dục là một hình thái ý thức xã hội, là hiện tượng văn minh của xã hội loài người.* Về bản chất, giáo dục là sự truyền đạt và tiếp thu kinh nghiệm lịch sử xã hội của các thế hệ loài người;

Về mục đích, giáo dục là sự định hướng của thế hệ trước cho thế hệ sau;

Về phương thức, giáo dục là cơ hội giúp mỗi cá nhân đạt tới hạnh phúc và là cơ sở đảm bảo cho sự kế thừa, tiếp nối và phát triển những thành quả văn hoá của xã hội loài người.

2.3. *Giáo dục là hiện tượng có tính lịch sử :* Giáo dục ra đời theo nhu cầu của lịch sử xã hội, một mặt nó phản ánh trình độ phát triển của lịch sử, bị qui định bởi trình độ phát triển của lịch sử, mặt khác nó lại tác động tích cực vào sự phát triển của lịch sử.

2.4. *Giáo dục có tính giai cấp:* Trong xã hội có giai cấp, giáo dục được sử dụng như công cụ của giai cấp cầm quyền nhằm duy trì quyền lợi của mình thông qua mục đích, nội dung và phương pháp giáo dục.

2.5. *Giáo dục có tính dân tộc:* Mỗi quốc gia đều có một truyền thống lịch sử, có nền văn hoá riêng, cho nên giáo dục ở mỗi nước cũng có những nét độc đáo, những sắc thái đặc trưng. Tính dân tộc của giáo dục được thể hiện trong mục đích nội dung, phương pháp và sản phẩm giáo dục của mình.

Từ việc phân tích các tính chất cơ bản nêu trên, ta có thể rút ra kết luận :

Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, bản chất của giáo dục là sự truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử xã hội của các thế hệ loài người, nhờ có giáo dục mà các thế hệ nối tiếp nhau phát triển, tinh hoa văn hoá nhân loại và dân tộc được kế thừa, bổ sung và trên cơ sở đó mà xã hội loài người không ngừng tiến lên.

II. KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA GIÁO DỤC

Muốn phát triển một cách sáng tạo những tư tưởng giáo dục trong quá khứ, tiếp cận với các tư tưởng giáo dục hiện đại, chúng ta cần kế thừa các thành tựu và kinh nghiệm giáo dục trong lịch sử phát triển giáo dục của nhân loại.

1. Thời kỳ công xã nguyên thủy.

Như trên đã trình bày, giáo dục là một hiện tượng xã hội đã nảy sinh chính trong cuộc sống của công xã nguyên thủy. Cuộc sống lao động và sinh hoạt của người nguyên thủy trong công xã để sản xuất nuôi sống mình và bảo vệ được con người trước sự đe dọa của tự nhiên và thú dữ đã nảy sinh tri thức và tri thức này được truyền từ thế hệ trước cho thế hệ sau bằng con đường giáo dục. Giáo dục thời kỳ này được gọi là *giáo dục nguyên thủy* hay *giáo dục tự nhiên*.

Giáo dục thời kỳ Công xã nguyên thủy có những đặc điểm sau:

Về nội dung giáo dục: Người nguyên thủy giáo dục cho thế hệ trẻ những gì cần thiết để họ sống, tồn tại và phát triển. Đó là những kinh nghiệm sản xuất, chống chọi với thiên nhiên, thú dữ để bảo vệ con người và những phong tục tập quán, lễ nghi tôn giáo, luật lệ công xã để cho mỗi người biết sống yên ổn trong công xã..

Về hình thức giáo dục: Giáo dục trong thời kỳ công xã nguyên thủy mang tính bình đẳng, tự nhiên, không phân biệt giới tính, vị trí xã hội. Người lớn truyền thụ những kinh nghiệm của mình cho trẻ em một cách trực tiếp ngay trong quá trình sống chung, trong lao động sản xuất hái lượm và sinh hoạt hàng ngày ngay trong cộng đồng thị tộc, bộ lạc.

Về phương pháp giáo dục: Phương pháp giáo dục chủ yếu thời kỳ này là dùng lời nói, trực quan và hoạt động thực tiễn.

2. Thời kỳ cổ đại hay là thời kỳ chiếm hữu nô lệ.

Thời kỳ cổ đại giáo dục được xem là một trong những lĩnh vực hoạt động xã hội gắn liền với các quá trình kinh tế, văn hoá, xã hội. Ở phương Đông, ngay từ trước Công nguyên, giáo dục ở Trung Hoa cổ đại, Ấn Độ cổ đại đã rất phát triển. Ngay cả vùng ven Địa Trung hải, ở các thành bang Spactơ, Aten, từ các thế kỷ VI,V (trCN) giáo dục cũng đã phát triển mà các di sản văn hoá, giáo dục thời kỳ ấy đến nay vẫn được kế thừa một cách trân trọng.

Xô-cơ-rát (469-339 trCN).

Xô-cơ-rát là nhà triết học và đồng thời là nhà tư tưởng, nhà giáo dục kiệt xuất thời cổ đại ở thành bang Aten. Ông sống trong thời đại của Pêricolit (Pêricolit – một chính khách nổi tiếng cầm quyền ở Aten vào thế kỷ thứ V – trCN).

Xô-cơ-rát là nhà giáo dục thực hành. Mọi điều ông truyền thụ được lưu truyền lại là do các học trò của ông ghi chép như Xê-nô-phôn, A-ri-x-tôt, Pla-tôn...

Trong lĩnh vực giáo dục, Xô-cơ-rát có quan niệm rất nổi tiếng : *Giáo dục phải giúp con người tìm thấy sự khẳng định chính bản thân mình*, vì thế mang giá trị nhân văn rất cao.

Trong 40 năm hoạt động, ông đã nêu cao tấm gương đức hạnh của mình, tình yêu chân lý và sự can đảm trong việc bảo vệ chân lý.

Platon (429 -347 trCN).

Là học trò của Xôcrat, Platon đã có công ghi chép và xuất bản phần lớn các tác phẩm mà trong đó trình bày lập trường quan điểm triết học, quan điểm giáo dục thông qua các cuộc đối thoại giữa Platon và Xôcrat, nhờ vậy mà các quan điểm này lưu truyền đến tận ngày nay.

Platon là người đầu tiên xây dựng được một nền giáo dục có hệ thống dưới sự chỉ đạo của một tư tưởng triết học nhất quán và có ảnh hưởng tới nền giáo dục phương Tây trong suốt 24 thế kỷ qua và có lẽ còn ảnh hưởng tới nền giáo dục loài người trong nhiều thế kỷ tới. Để củng cố nhà nước nô lệ đang hết sức hỗn loạn thời đó, Platon đã đề nghị xây dựng một xã hội ổn định, có kỷ cương và thống nhất, trong đó những người có học vấn cao sẽ cầm quyền.

Quan điểm giáo dục của Platon thể hiện tập trung trong các tác phẩm chính như “ Luật pháp” và “Nền Cộng hoà”. Platon cho rằng, xã hội gồm hai loại người: *tự do* và *nô lệ*. Những người tự do được đào tạo theo hệ thống giáo dục như sau:

- *Trước 7 tuổi* giáo dục trong gia đình do người mẹ đảm nhận, gọi là “*mẫu giáo*”.

- *Từ 7 – 17 tuổi:* học đọc, học viết, tính toán, thiên văn, địa lý, thể dục, âm nhạc. Những em học kém bị loại để đi lao động với giới công thương.

- *Từ 17 – 20 tuổi*: tiếp tục học văn hoá, thể dục, quân sự, triết học. Những em học kém bị loại để rèn luyện trở thành quân nhân.
- *Từ 20 – 30 tuổi*: tiếp tục học văn, toán, thiên văn, lý luận âm nhạc, luật pháp, triết học... để chuẩn bị lớp quan lại làm việc trong bộ máy chính quyền của nhà nước chủ nô.
- *Những người thông minh đặc biệt được đào tạo tiếp từ 30 – 35 tuổi* bằng việc nghiên cứu sâu về triết học để đạt trình độ cao siêu về *chân, thiện, mỹ*. Trong số này sẽ chọn ra *những người xuất sắc nhất* để điều hành nhà nước chủ nô. Số người này chỉ làm việc *lãnh đạo nhà nước từ 35 đến 50 tuổi; sau 50 tuổi sẽ thôi công việc quản lý để nghiên cứu khoa học và viết sách*.

Như vậy, Platon đã dùng một chương trình học tập đòi hỏi cao về trí tuệ để đào thải, sàng lọc, phân loại người học trong những giai đoạn khác nhau của quá trình học tập từ đó phân chia các nhóm dân cư trong xã hội một cách hợp pháp. Mô hình này được các nước phương Tây thừa nhận và áp dụng qua nhiều thế kỷ.

Cũng trong hai tác phẩm nêu trên, Platon cũng nêu rõ việc giáo dục trước hết liên quan với đạo đức, tâm lý và xã hội.

Đối với ông, sống có đạo đức trước hết là sống công bằng. Cá nhân được xem là công bằng khi nội tâm bảo đảm được sự cân bằng của 3 yếu tố : dục vọng, sự can đảm và lý trí.

Theo ông, tất cả đều cần thiết cho cuộc sống nhưng “ *hành động của con người chỉ hợp lý nếu cái bụng và trái tim chịu phục tùng cái đầu*”. Nhờ vậy, tâm hồn con người sẽ giữ mãi được sự thăng bằng và sẽ sống với thái độ công bằng.

Đặc biệt theo ông, con người và xã hội chỉ có thể đạt tới hạnh phúc bởi một nền giáo dục quốc gia. Qua quá trình giáo dục và phát triển sẽ sàng lọc những trẻ ít năng khiếu sẽ làm thợ, những trẻ học tốt sẽ tiếp tục học để trở thành nhà thông thái, nếu không phát triển được sẽ ra làm chiến sĩ, còn những trẻ tiếp tục học lên, sẽ học triết học từ những người xuất sắc để trở thành quan chức như đã nêu ở trên và họ hành xử theo quan điểm CHÂN, THIÊN, MỸ.

Ngày nay, trong nhiều hệ thống giáo dục vẫn đang chọn lọc các yếu tố hợp lý của Platon để kế thừa và phát triển cao hơn cho phù hợp với xã hội hiện đại.

Khổng Tử (551 – 479 trCN).

Từ thời cổ đại, phương Đông đã đóng góp cho loài người nhiều nhà triết học nổi tiếng như: Khổng tử, Phật thích Ca Mâu Ni, Mặc Tử, Mạnh Tử, Pháp Gia, Hàn Phi Tử, Đồng Trọng Thư ...

Khổng Tử (551 – 479 trCN) tên *Khâu*, tự là *Trọng Ni*, người nước *Lỗ*, nay là tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. Cha là *Thúc Lương Ngột*, một võ quan nước *Lỗ*, nổi tiếng về sức khoẻ và lòng dũng cảm. Năm *Khổng Tử* lên 3 tuổi thì mất bố, 19 tuổi lấy vợ. *Khổng Tử* nổi tiếng là người thông minh, siêng năng, liêm khiết. Ông được vua nước *Lỗ* trọng dụng. Năm 51 tuổi, vua mời ông ra làm quan, làm đến chức ngang với tể tướng. Sử sách Trung Quốc ghi chép lại: ông làm quan được 3 tháng thì việc chính trị trong nước được tốt đẹp, trai thì trung tín, gái thì trinh thuận; trật tự trên dưới đều phân minh, nước thì thái bình thịnh trị. Sau thấy vua chơi bời, bỏ trễ việc nước nên ông xin từ chức, bỏ sang nước *Vệ*, nước *Tần*, nước *Thái*, nước *Diệp*.

Năm 68 tuổi, nước *Lỗ* mời ông trở về. Ông không ra làm quan mà ở nhà dạy học. Học trò của *Khổng Tử* có lúc đông đến ba ngàn người. Ông mất năm 479 trCN, thọ 71 tuổi.

Khổng Tử là nhà giáo vĩ đại của Trung Hoa cổ đại và của nhân loại sống vào thời Xuân Thu Chiến Quốc. *Khổng Tử* đã mở trường tư khá quy mô để dạy học, để truyền cái “đạo” của mình. Học trò của ông có nhiều người nổi tiếng được đời sau kính trọng như *Nhan Hôi*, *Trọng Cung*, *Tăng Sâm*, *Tử Lộ*...

Ông quan niệm giáo dục con người phải đào tạo nên những con người có nhân nghĩa, phẩm hạnh, là con người quân tử mà chữ *NHÂN* là phẩm chất cao nhất trong cái đức của đạo làm người.

“ Cách dạy dỗ của *Khổng Tử*, trước hết là dùng thi, thư rồi lấy hiếu, để mà hướng dẫn, lấy nhân nghĩa để mà giảng, lấy lễ nhạc mà khiến người ta nhận xét, sau cùng mới lấy văn chương, đạo đức mà dựng nên người”.

Mục đích dạy học của Khổng Tử: Đó là xây dựng một xã hội ổn định và hoà mục; con người phải có phẩm chất đẹp là: **nhân, lễ và luôn tự rèn luyện**. Phẩm chất này là **cốt lõi của người quân tử**. Nhân không chỉ có yêu mà còn có ghét. Lễ có thể hiểu là giữ đúng vị trí, tôn ti, phép tắc, kỷ cương...

Nguyên lý giáo dục của Khổng Tử là **tu thân**, thể hiện ở cái đạo “*trung, thứ*”.

- *Trung* là làm hết sức mình, theo mong muốn của mình.

- *Thứ* là điều mình muốn cho mình thì làm điều ấy cho người khác, điều gì mình không muốn cho mình thì đừng làm cho người khác.

Phương pháp tiếp cận nhận thức và cải tạo thế giới: Đó là “**Cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ**” (*Cách vật* là tiếp cận sự vật, đến với sự vật bằng giác quan; *trí tri* là suy nghĩ).

Nội dung giáo dục của Khổng Tử được thể hiện trong 6 bộ sách gọi là *lục kinh*: Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Xuân Thu.

Kinh Thư là bộ sách ghi chép những lời vua tôi dạy bảo, khuyên răn nhau.

Kinh Thi là bộ sách ghi chép những bài ca, bài đồng dao từ thời thượng cổ, với ba trăm bài, bao trùm nội dung là “không nghĩ bậy”.

Kinh Lễ là bộ sách chép những quy tắc, lễ nghi để nuôi dưỡng tình cảm tốt của con người, giữ cho trật tự xã hội được phân minh, hạn chế cái dục vọng bất chính.

Kinh Nhạc: Nhạc và lòng người cảm hoá lẫn nhau, nhạc có khả năng giáo dục con người.

Kinh Xuân Thu là bộ sách mà ở đó thể hiện quan điểm chính trị của Khổng Tử. Chẳng hạn như dùng *đức để trị, cải thiện đời sống nhân dân, coi trọng giáo dục, giữ mối quan hệ hai chiều: vua – tôi; cha – con; người trên – người dưới; thuyết chính danh: danh và thực*.

Bộ sách luận ngữ: thể hiện cái đạo làm người quân tử.

Khổng Tử còn là một nhân cách sư phạm vĩ đại, giữa lời nói và việc làm luôn luôn nhất quán, say mê với nghề nghiệp, một đời : “ *Học không biết chán, dạy không biết mỏi*”.

Ngày nay, loại trừ những hạn chế lịch sử, ta vẫn thấy các quan điểm về giáo dục do ông đưa ra vẫn là những cống hiến vĩ đại vì giáo dục, nó vượt lên, nổi bật so với thời đại ông sống.

Như vậy, điều quan tâm là ở thời kỳ cổ đại, nhiều nhà tư tưởng giáo dục cũng đồng thời là nhà khoa học, nhà triết học, do đó các tư tưởng giáo dục thường phát triển và trình bày trong các tác phẩm triết học, khoa học nói chung, thậm chí còn được lồng vào các tác phẩm thần học, tôn giáo, do đó, muốn tìm hiểu những quan điểm đó cần có sự am hiểu về văn hoá nói chung và tôn giáo nói riêng.

3. Thời kỳ phong kiến:

Thời kỳ Trung cổ ở phương Tây, nhà thờ giữ vai trò độc tôn trong đời sống xã hội, có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của giáo dục và nhà trường. Thời kỳ này, giáo dục học nhìn chung vẫn tồn tại như một phần của triết học (giống như nhiều khoa học khác), nhà trường đều đặt dưới sự cai quản của tôn giáo.

Các trường tôn giáo luôn luôn có sự dung hoà giữa sự phát triển niềm tin tôn giáo và phát triển trí tuệ, dùng triết học kinh viện để chứng minh, bao giờ niềm tin cũng định hướng và ở vị trí cao hơn trí tuệ, có trước trí tuệ và khoa học.

Đến thế kỷ thứ XII –XIII ở Tây Âu đã hình thành 3 loại trường : trường tu viện, trường của nhà thờ và trường dòng. Bên cạnh trường tôn giáo có hệ thống giáo dục kỹ sư với nội dung là giáo dục 7 đức tính của kỹ sư : “ cưỡi ngựa, bơi, dùng giáo, đấu kiếm, đi săn, đánh cờ, làm thơ”.

Thực chất giáo dục tôn giáo và giáo dục kỹ sư ở Tây Âu thời Trung cổ đều phục vụ cho chế độ phong kiến thần quyền đương thời.

Đối với giáo dục phong kiến ở phương Đông chúng ta có thể kể đến nền giáo dục phong kiến Trung Hoa. Trung Hoa là một trong bốn trung tâm văn minh lớn của phương Đông cổ đại và cũng là một trong những quốc gia phong kiến điển hình với chiều dài phát triển lịch sử của mình. Trung Hoa cũng có một nền giáo dục phong kiến rất điển hình với tính giai cấp rất rõ rệt. Các triều đại phong kiến đều dựng ra các cơ sở dạy học riêng để giáo dục cho con cái của tầng lớp quý tộc. “Nho giáo” được coi là nội dung giáo dục chủ yếu trong nền giáo dục phong kiến Trung Hoa. Chế độ khoa cử rất được đề cao: **HỌC – THI – LÂM QUAN**.

4. Thời kỳ văn hoá Phục hưng :

Cuối thế kỷ XIV đến đầu thế kỷ XV, khi mầm mống của xã hội tư bản xuất hiện, nhân loại bước vào thời kỳ Phục hưng. Các nhà nhân văn tiên tiến xuất hiện làm dấy lên phong trào giải phóng tư tưởng con người khỏi thần học. Nền văn hoá nghệ thuật nhân văn chủ nghĩa phi tôn giáo phát triển mạnh. Tất cả tạo nên nhu cầu, động lực mới thúc đẩy giáo dục phát triển với tư tưởng tiên bộ vượt ra khỏi khuôn khổ giáo dục kinh viện tôn giáo, hướng về chủ nghĩa nhân văn.

Các nhà nhân văn chủ nghĩa chủ trương đề cao giá trị con người, cho rằng, *con người cần được phát triển toàn diện thông qua giáo dục*. Tiêu biểu là Thomas More (1478 -1535), T. Campanella (1568 -1639); Vittorinô (Ý); Erasmô (Hà Lan); Môngtenhơ (Pháp); Rabelais (Pháp)...

Theo các nhà lịch sử tư tưởng thì chính bước quá độ từ chế độ phong kiến qua chủ nghĩa tư bản đã làm xuất hiện hệ thống tri thức mới ra đời, trong đó có nhiều khoa học tách ra khỏi triết học. Sở dĩ có bước ngoặt vĩ đại này trong lịch sử tư tưởng loài người là nhờ vào phát minh khoa học của N.Côpecnic, phát minh của Côpecnic được đánh giá đó là một cuộc cách mạng – cuộc cách mạng trên trời. Với thuyết “Nhật tâm” ông đã chứng minh rằng trung tâm của hệ thống hành tinh chúng ta đó là Mặt Trời, đánh đổ hoàn toàn thuyết “Địa tâm” của Ptôlêmê (nhà thần học) cho rằng trung tâm của hệ thống hành tinh là Trái Đất.

Giáo dục học từ đây cũng phát triển và tồn tại như là một khoa học độc lập với tên tuổi của Comenxki vĩ đại (1592- 1670), ông là nhà lí luận và là nhà tư tưởng giáo dục đã đề cao giáo dục phổ cập, đề cao việc dạy tiếng mẹ đẻ trong các nhà trường và nêu ra luận chứng chặt chẽ trong tác phẩm nổi tiếng “ *Phép giảng dạy vĩ đại*”. Ông là người đề xướng hình thức dạy học lớp – bài; đề ra các nguyên tắc dạy học mà ngày nay vẫn được áp dụng : nguyên tắc trực quan, nguyên tắc nhất quán, nguyên tắc mang tính khoa học, tính hệ thống...

Nhìn chung, giáo dục thời kỳ văn hoá Phục hưng thể hiện rõ tư tưởng nhân văn trong giáo dục:

- Giáo dục bình đẳng cho mọi người.
- Lao động là nghĩa vụ của mọi người, song mỗi ngày chỉ làm việc trong một số giờ nhất định, thời gian còn lại để học văn hoá và sinh hoạt xã hội.
- Dạy học bằng tiếng mẹ đẻ.
- Coi trọng khoa học tự nhiên.
- Đề cao phương pháp quan sát, thí nghiệm, thực hành trong dạy học và giáo dục.
- Tôn trọng nhân cách của trẻ em..
- Giáo dục nhằm phát triển nhiều mặt ở trẻ em: về thể chất, đạo đức, trí tuệ và kỹ năng lao động.

Đây chính là tiếng nói, tư tưởng tiên bộ của loài người về lĩnh vực giáo dục trong thời kỳ văn hoá Phục hưng mà cho đến nay giá trị, ý nghĩa của nó vẫn được trân trọng lưu giữ, duy trì và phát triển.

5. Thế kỷ XVII - XIX :

Cùng với sự phát triển chung của khoa học, giáo dục học cũng đã phát triển về nội dung, ngoài sự phản ánh các thành tựu chung... cũng thể hiện sự đấu tranh gay gắt giữa các quan điểm lý luận giáo dục của giai cấp tư sản thống trị và lợi ích giáo dục của nhân dân.

Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, có thể chia sự phát triển giáo dục qua các thời kỳ sau đây:
- *Giáo dục trước cách mạng tư sản Pháp 1789*. Thời kỳ này trong lĩnh vực giáo dục thể hiện cuộc đấu tranh gay gắt về mặt tư tưởng và đã để lại nhiều tư tưởng giáo dục tiên bộ với các khuynh hướng dân chủ:

- Giáo dục bình đẳng cho mọi trẻ em.
- Giáo dục xuất phát từ đặc điểm trẻ em.
- Đề cao vai trò của môi trường.
- Đánh giá cao vai trò của giáo dục, thậm chí dùng giáo dục để thay đổi cả xã hội.
- Giáo dục con người phát triển nhiều mặt: Đức, trí, thể chất, kỹ năng lao động...

Đây là những tiền đề quan trọng cho nền giáo dục tư sản mới, tiến bộ. Song rất tiếc là những tư tưởng tiến bộ này chỉ dừng ở tư tưởng, còn trên thực tế vẫn tồn tại nền giáo dục phong kiến và cuộc đấu tranh còn tiếp diễn cho một nền giáo dục tư sản tiến bộ.

- *Giáo dục từ 1789 đến những năm đầu thế kỷ XIX.*

- Tư tưởng tiến bộ xã hội đều hướng vào việc đấu tranh với nhà nước tư sản vì một nền giáo dục tiến bộ như Cách mạng tư sản Pháp năm 1789 đề ra.

- Giáo dục là nhu cầu chính đáng của mọi người lao động, nên xu thế chung là đấu tranh cho một nền giáo dục bình đẳng: giữa nam và nữ, giữa giàu và nghèo.

- Đòi nhà nước phải mở trường cho trẻ em học với một nền giáo dục miễn phí, bắt buộc và không phụ thuộc vào tôn giáo.

- Vai trò của thầy giáo được đề cao, lí luận sư phạm được coi trọng, khoa học sư phạm được chính thức đặt ra và đòi hỏi phải được coi trọng, nghiên cứu.

- Nội dung giáo dục con người chú trọng đến việc giáo dục những phẩm chất và năng lực cần có cho người lao động ở thời kỳ sản xuất công nghiệp phát triển.

- Nhân cách trẻ em được tôn trọng và trở thành một vấn đề quan tâm lớn của các nhà sư phạm.

Những xu hướng và tư tưởng giáo dục tiến bộ trên đây từng bước được thực hiện và đã trở thành mục tiêu đấu tranh của lực lượng tiến bộ xã hội cho một nền giáo dục tiến bộ ở các nước tư bản chủ nghĩa, cùng với việc đấu tranh để giải phóng cho người lao động trong xã hội công nghiệp phát triển thế kỷ XIX. Tên tuổi các nhà giáo dục lớn thời kỳ này phải kể đến: Đixtecvec (1790 – 1866) người Đức; Usinxki (1824 – 1870) người Nga.

- *Vào những năm 40 của thế kỷ XIX.*

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX cùng với sự xuất hiện của chủ nghĩa Marx, giáo dục học tiếp tục phát triển với cơ sở phương pháp luận khoa học. Học thuyết Mác - Lênin về giáo dục đã chứng minh một cách khoa học các vấn đề có tính quy luật như :

- Về sự hình thành của cá nhân con người;
- Về tính quy luật của kinh tế - xã hội đối với giáo dục;
- Tính lịch sử của giáo dục trong tiến trình phát triển xã hội;
- Vai trò của giáo dục trong điều kiện xã hội có giai cấp;

Những luận điểm này được xem là những luận điểm cơ bản, có vai trò định hướng cho việc nghiên cứu, ứng dụng các vấn đề lý luận vào thực tiễn giáo dục, giúp cho giáo dục ngày càng phong phú và phát triển sâu rộng như hiện nay.

6. Thế kỷ XX.

Sự phát triển của giáo dục ở thế kỷ XX có thể nói được chia ra làm nhiều giai đoạn, nhiều khu vực, với những hệ thống tư tưởng quan điểm khác nhau. Đó là những giai đoạn: *những năm đầu thế kỷ* (thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất); *những năm sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến 1945* (kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ hai); *giai đoạn từ những năm 50 đến hết thế kỷ XX*. Cùng với sự phát triển của lịch sử xã hội, giáo dục ở thế kỷ XX nổi lên những nền giáo dục tiêu biểu sau đây:

- Nền giáo dục nước Nga Xô viết từ Cách mạng tháng Mười 1917 đến những năm 90 thế kỷ XX (trước khi Liên Xô tan rã).

- Nền giáo dục Nhật Bản.

- Nền giáo dục Hoa Kỳ.

- Nền giáo dục của các nước phát triển ở châu Âu: Đức, Pháp, Anh, Hà Lan, Bỉ, Italia.

- Nền giáo dục của một số nước ở khu vực Châu Á: Singapo, Trung quốc, Hàn quốc, Malaixia, Hồng Kông, Ấn độ, Thái Lan...

Nhìn chung, thế kỷ XX, đặc biệt là những năm nửa cuối của thế kỷ, giáo dục ở tất cả các quốc gia trên thế giới đã trở thành một hoạt động được tổ chức đặc biệt, đạt tới trình độ cao, có chương trình kế hoạch, có nội dung, phương pháp hiện đại, diễn ra theo một nhịp độ khẩn trương. Hệ thống giáo dục quốc dân được xây dựng một cách khoa học, với nhiều cấp học, bậc học, nhiều loại hình trường, lớp, nhiều loại hình đào tạo đáp ứng nhu cầu học tập của mọi đối tượng, tạo cho

xã hội trở thành một xã hội học tập và học tập suốt đời. Giáo dục đã trở thành động lực thực sự thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của xã hội loài người.

III. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA GIÁO DỤC HỌC.

1. Đối tượng nghiên cứu của giáo dục học.

Nghiên cứu một khoa học thường bắt đầu bằng việc xem xét đối tượng của nó. Bởi vì mỗi khoa học thường được phân biệt bởi 3 dấu hiệu đặc trưng đó là : đối tượng, phương pháp nghiên cứu và hệ thống các khái niệm, phạm trù của chuyên ngành khoa học.

Đối tượng nghiên cứu của một khoa học là một phần của thế giới khách quan, mà lĩnh vực khoa học đó tập trung nghiên cứu khám phá, để tìm ra bản chất và quy luật hoạt động của nó. Mỗi khoa học nghiên cứu một khía cạnh của thế giới, tập hợp các khoa học sẽ nghiên cứu toàn bộ thế giới. Do đó, việc xác định đúng đối tượng của chuyên ngành khoa học giúp cho các nhà nghiên cứu đi đúng trọng tâm, không lệch hướng trong quá trình tìm tòi, sáng tạo.

Khoa học hiện đại có trên hai nghìn bộ môn khác nhau, được phân thành các nhóm, các lĩnh vực chuyên ngành. Trong nhóm các khoa học xã hội có một bộ phận nghiên cứu về quá trình giáo dục con người. *Đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học chính là quá trình giáo dục, một quá trình hoạt động đặc biệt trong các hoạt động của xã hội loài người.*

Khoa học giáo dục bao gồm hệ thống các bộ môn sau đây :

- Lịch sử giáo dục.
- Giáo dục học.
- Giáo dục học chuyên biệt.
- Lý luận dạy học bộ môn.

Giáo dục học là một bộ môn của khoa học giáo dục nằm trong các khoa học xã hội. Giáo dục học có liên quan chặt chẽ với Tâm lý học, Tâm lý học lứa tuổi, Tâm lý học sư phạm, Sinh lý học lứa tuổi, Logic học, Phương pháp giảng dạy bộ môn...

Giáo dục học đại cương bao gồm bốn phần :

- Những vấn đề lý luận chung
- Lý luận dạy học
- Lý luận giáo dục
- Lý luận quản lý nhà trường.

Mỗi phần có nội dung nghiên cứu đặc trưng.

2. Nhiệm vụ của giáo dục học:

Giáo dục học là một lý thuyết khoa học, bao gồm một hệ thống các luận điểm về quá trình giáo dục có các nhiệm vụ sau :

2.1 Giải thích nguồn gốc phát sinh và bản chất của hiện tượng giáo dục, tìm ra các quy luật chi phối quá trình giáo dục, chi phối sự phát triển của hệ thống giáo dục quốc dân, nhằm tổ chức quá trình giáo dục đạt tới hiệu quả cao nhất.

2.2 Xây dựng chương trình giáo dục và đào tạo dựa trên cơ sở dự đoán xu hướng phát triển của xã hội hiện đại, khả năng phát triển của khoa học và công nghệ trong tương lai.

2.3 Nghiên cứu, tìm tòi các phương pháp và phương tiện giáo dục mới trên cơ sở các thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

2.4 Nghiên cứu xây dựng các lý thuyết giáo dục mới và các khả năng ứng dụng các lý thuyết mới ấy vào thực tiễn giáo dục.

Tóm lại, nhiệm vụ của giáo dục học là nghiên cứu bản chất và các quy luật của quá trình giáo dục để xây dựng các lý thuyết khoa học giáo dục và chỉ ra con đường ứng dụng chúng vào thực tiễn. Do đó, việc nắm vững lý thuyết giáo dục học giúp cho các nhà giáo dục nâng cao văn hóa sư phạm, giúp cho các bậc phụ huynh có những hiểu biết chung để giáo dục các thành viên trong gia đình.